TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 01 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn

2. Bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 829/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 619/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 561/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 189/9, ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P do mai mối nên tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang vào ngày 19/9/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà của cha mẹ Anh H thuộc ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang. Sau đó, vợ chồng đi làm tại tỉnh Bình Dương được một thời gian, do hoàn cảnh gia đình

nên Anh H trở về địa phương sinh sống, còn chị P tiếp tục đi làm ở tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 hoặc năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P đi làm ở Bình Dương mà không chịu về nhà và có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì gia đình 02 bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh H và chị P, bản thân Anh H cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị P hứa sẽ về ở chung với Anh H nhưng sau đó chị P không thực hiện nên vợ chồng không hàn gắn được. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh H yêu cầu ly hôn với chị P.

- Về con chung: Anh H và chị Phạm Thị P có 02 con chung tên Nguyễn Thái V, sinh ngày 27/9/2002 và Nguyễn Thế V1, sinh ngày 12/6/2004. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị P vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Văn H trình bày: Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và không đồng ý trở về địa phương sinh sống cùng với Anh H. Mẫu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt từ năm 2020 nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh H và chị P nhưng không được; bản thân Anh H cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do chị P không đồng ý trở về địa phương để sống với Anh H nên vợ chồng không hàn gắn được. Do đó, Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Phạm Thị P vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H. Về quan hệ hôn nhân, anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Phạm Thị P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Phạm Thị P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị Phạm Thị P (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp TP, xã TM, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với chị Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Đồng thời, tại phiên tòa, chị Phạm Thị P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn H cho rằng, Anh H và chị P do tự tìm hiểu nên tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 19/9/2002. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và không đồng ý trở về địa phương để sinh sống cùng với Anh H. Mâu thuẫn trở nên gay gắt từ năm 2020 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, Anh H có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên cũng có động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh H và chị P nhưng do chị P không đồng ý trở về sống cùng với Anh H nên vợ chồng không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên Anh H yêu cầu ly hôn với chị P.

Xét thấy, anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị Phạm Thị P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho Anh H và chị P theo quy định của pháp luật nhưng chị P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện chị Phạm Thị P không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa Anh H và chị P nên lời trình bày của Anh H về tình trạng hôn nhân giữa Anh H và chị P là có cơ sở chấp nhận. Nói cách khác, đã có đủ căn cứ để xác định hôn nhân giữa Anh H và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc Anh H yêu cầu ly hôn chị P phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Anh Nguyễn Văn H xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thái V, sinh ngày 27/9/2002 và Nguyễn Thế V1, sinh ngày 12/6/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phạm Thị P.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 142, ngày 19/9/2002 do Ủy ban nhân dân xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị P không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số

0012742 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang